

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 3 - 2018

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Mậu Thìn

2. Bà Quách Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A, ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số XXX Gundersen Drive APT 11N, Carol Stream, IL 601YY, USA (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống tại số A, ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu khoảng 1,5 tháng. Sau đó, anh T trở về Mỹ, từ khi trở về Mỹ đến năm 2014 anh T trở lại Việt Nam thăm chị 03 lần. Từ năm 2014 đến nay anh T không về nữa và cũng không còn liên lạc với chị. Do đó, chị xin được ly hôn với anh Trương Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trương Thanh T: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trả lời của anh T về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Lê Thị Ngọc B và anh cũng không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được, anh Trương Thanh T cũng không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Lê Thị Ngọc B và anh Trương Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị B và anh T không đạt, cụ thể: Vợ chồng anh chị chỉ chung sống với nhau trong thời gian ngắn và không có điều kiện để ở cạnh nhau, để cùng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau xây dựng gia đình. Vợ chồng đã không còn liên lạc từ năm 2014 đến nay và anh chị cũng không có biện pháp nào để vợ chồng được đoàn tụ, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho chị Lê Thị Ngọc B được ly hôn đối với anh Trương Thanh T; về con chung và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Thanh T là người có quốc tịch USA (Mỹ) hiện đang cư trú tại USA nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thực hiện việc tổng đạt cho anh Trương Thanh T theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và chị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị B.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị Ngọc B và anh Trương Thanh T kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2009 tại Ủy ban nhân dân tỉnh

Bạc Liêu. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc B và anh Trương Thanh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Sau khi kết hôn chị B và anh T sống tại số A, ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu hơn 01 tháng. Sau đó, anh T trở về Mỹ, từ khi trở về Mỹ đến năm 2014 anh T có trở lại Việt Nam thăm chị B 03 lần. Từ năm 2014 đến nay anh T không về nữa và cũng không còn liên lạc với chị B. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Hiện nay, chị B và anh T sống xa nhau, không còn tình cảm và không còn liên lạc gì với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc B đối với anh Trương Thanh T.

[3] Về con chung và tài sản chung (tài sản có và tài sản nợ): Chị Lê Thị Ngọc B xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị không có con chung và tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc B phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc B, xử cho chị Lê Thị Ngọc B được ly hôn với anh Trương Thanh T. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc B đối với anh Trương Thanh T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc B được ly hôn với anh Trương Thanh T.

2. Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung (tài sản có, tài sản nợ): Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng. Chị Lê Thị Ngọc B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006197 ngày 17/02/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Về chi phí tố tụng:

Chị Lê Thị Ngọc B đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0006211 ngày 17/3/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, chị B đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng theo Phiếu chi số PC00000236 ngày 15/6/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Chị Lê Thị Ngọc B đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 1.000.000 đồng theo Phiếu thu số 10 ngày 15/6/2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, đã chi 704.000 đồng, chị B đã nhận lại số tiền 296.000 đồng theo biên bản về việc hoàn tiền cho đương sự ngày 05/7/2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, chị Lê Thị Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết và anh Trương Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- UBND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Đương sự (02 bản);
- Lưu: HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Ngọc Như